CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
806 Âu Cơ, P Tân Bình , TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 22.26 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
   - Mã chứng khoán: VID
   - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
   - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: https//:dautuviendong.vn
2. Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
   - Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026
   - Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/08/2026 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- *BCTC riêng bán niên năm 2026*
- *BCTC hợp nhất bán niên năm 2026*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

TRẦN HOÀNG NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300377536
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.26 09:32:24+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 13.1.2

AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

A Member of msi Global Alliance
Independent Legal & Accounting Firms

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	*6 – 9*
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	*10*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	*11 – 12*
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	*13 – 57*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (Công ty và công con được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 lỗ 7.867.323.573 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2025 lợi nhuận sau thuế lãi 3.921.159.203 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2026 là 41.219.689.437 VND (Tại thời điểm 31/12/2025 lợi nhuận chưa phân phối là 49.498.865.958 VND).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hoàng Nghĩa	Chủ tịch – Miễn nhiệm chức danh Thành viên và bổ nhiệm chức danh Chủ tịch từ ngày 23/04/2026
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch – Miễn nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Nguyễn Bình Quí	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Tình	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hoàng Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Trần Hoàng Nghĩa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Bùi Quang Minh – Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Giấy ủy quyền số 01.25/UQ/VID-HCNS ngày 10/10/2025. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty").

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Nhóm Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0300377536 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG - Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Số:743 /BCSX/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Tạ Quang Long
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1
Tp.HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**549.076.395.183**	**582.304.733.709**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**21.075.648.478**	**7.990.433.233**
1. Tiền	111		21.045.648.478	7.960.433.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000	30.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**14.220.168.669**	**15.112.192.473**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	14.220.168.669	15.112.192.473
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**207.859.976.678**	**286.576.592.813**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	172.920.595.336	243.686.655.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	73.151.748.301	56.990.628.178
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	7.337.413.953	32.581.773.656
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(45.549.780.912)	(46.682.464.858)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**275.018.064.361**	**256.815.906.158**
1. Hàng tồn kho	141		275.018.064.361	256.815.906.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**30.902.536.997**	**15.809.609.032**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	414.352.067	71.655.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		5.373.931.737	3.914.294.901
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	62.504.409	234.993.894
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	25.051.748.784	11.588.665.015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**578.662.702.128**	**539.797.497.540**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**50.822.987.687**	**45.943.648.896**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	46.359.314.920	41.365.432.451
- Nguyên giá	222		137.694.717.632	128.262.946.776
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(91.335.402.712)	(86.897.514.325)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	4.463.672.767	4.578.216.445
- Nguyên giá	228		8.333.461.916	8.333.461.916
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(3.869.789.149)	(3.755.245.471)
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**	V.13	**18.751.415.355**	**18.751.415.355**
- Nguyên giá	241		18.751.415.355	18.751.415.355
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**	V.10	**6.573.046.223**	**7.571.091.656**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		6.573.046.223	7.571.091.656

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	V.2	**501.457.420.334**	**465.699.005.163**
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		235.906.760.334	237.348.345.163
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		221.604.160.000	194.104.160.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		44.700.000.000	35.000.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**		**1.057.832.529**	**1.832.336.470**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	612.795.191	942.261.796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.14	445.037.338	890.074.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1.127.739.097.311**	**1.122.102.231.249**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**500.475.074.029**	**487.066.926.978**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**500.475.074.029**	**482.966.926.978**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	94.123.885.852	51.964.500.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	22.495.799.623	14.295.682.716
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.18	100.215.815	4.655.332.179
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	41.800.000	331.064.864
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20	794.407.283	686.858.002
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15	380.824.532.714	408.920.056.307
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	2.094.432.742	2.113.432.742
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**4.100.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15	-	4.100.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	V.22	**627.264.023.282**	**635.035.304.271**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*408.360.690.000*	*408.360.690.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.032.671.673	5.032.671.673
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.367.759.813	3.367.759.813
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.774.125.649	10.774.125.649
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.219.689.437	49.498.865.958
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		49.087.013.010	49.031.611.438
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(7.867.323.573)	467.254.520
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		158.509.086.710	158.001.191.178
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.127.739.097.311**	**1.122.102.231.249**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**512.167.780.353**	**495.660.840.795**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	VI.1	**512.167.780.353**	**495.660.840.795**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.2	**481.787.633.980**	**463.616.823.641**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**30.380.146.373**	**32.044.017.154**
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	5.390.177.378	7.278.099.177
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	14.962.687.409	14.668.686.517
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*		*12.925.414.910*	*9.844.049.100*
9. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	25	VI.5	(74.082.312)	10.081.493.740
10. Chi phí bán hàng	26	VI.6	8.435.118.389	10.097.985.748
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	VI.6	21.740.268.858	21.207.616.781
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(9.441.833.217)**	**3.429.321.025**
13. Thu nhập khác	31	VI.7	2.153.970.924	1.929.303.869
14. Chi phí khác	32	VI.8	49.275.679	30.222.814
15. Lợi nhuận khác	**40**		**2.104.695.245**	**1.899.081.055**
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(7.337.137.972)**	**5.328.402.080**
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế	**60**		**(7.337.137.972)**	**5.328.402.080**
19.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(7.867.323.573)	3.921.159.203
19.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		530.185.601	1.407.242.877
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.10	**(193)**	**96**
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.10	**(193)**	**96**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(7.337.137.972)**	**5.328.402.080**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.997.469.402	4.829.132.491
- Các khoản dự phòng	03		(1.132.683.946)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.208.163.016)	(18.041.814.259)
- Chi phí đi vay	06		12.925.414.910	9.844.049.100
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***4.244.899.378***	***1.959.769.412***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.352.840.558	10.062.332.859
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.202.158.203)	(77.378.376.549)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		48.302.061.656	(44.923.241.219)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(13.230.240)	423.500.190
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(13.142.351.007)	(10.601.050.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.082.454.916)	(1.760.606.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.000.000)	(207.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***59.440.607.226***	***(122.424.671.878)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.433.725.423)	(2.867.700.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.300.000.000)	(69.760.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.492.023.804	48.200.152.201
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.500.000.000)	(5.995.220.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		26.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.581.833.231	7.332.646.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(14.159.868.388)***	***(23.090.121.756)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		442.316.971.839	508.472.125.679
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(474.512.495.432)	(410.778.408.570)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(32.195.523.593)***	***97.693.717.109***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**13.085.215.245**	**(47.821.076.525)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**7.990.433.233**	**59.472.354.548**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	V.1	**21.075.648.478**	**11.651.278.023**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 30/06/2026 là 74 người (tại ngày 31/12/2025 là 71 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Nhóm Công ty

Tổng số các Công ty con : 01

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục	173.109.780.000	37,05%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh…	45.000.000.000	37,32%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	136.890.000.000	33,63%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp…	19.505.110.000	27,04%	27,04%

Tại ngày 30/06/2026, Nhóm Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông – Bình Dương tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ Nhóm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập và trình bày theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Nhóm Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không mất đi quyền kiểm soát được hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Nhóm Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Nhóm Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Nhóm Công ty, thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát, theo đó Nhóm Công ty kết chuyển lãi/lỗ trước đây đã ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c) Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Nhóm Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Nhóm Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi đầu tư được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi đầu tư từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, được ghi nhận vào các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty. Thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức, lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nhóm Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành khoản đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Nhóm Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Nhóm Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Nhóm Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Nhóm Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Nhóm Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Nhóm Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38	05 – 38
- Máy móc, thiết bị	03 – 12	03 – 12
- Phương tiện vận tải	05 – 10	05 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05	03 – 05
- Phần mềm máy tính	03 – 06	03 – 06
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	39	39

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, thì phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Nhóm Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Nhóm Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Nhóm Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thu.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Nhóm Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;

- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu. Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối và phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Nhóm Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm và hàng hóa cho người mua;

- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật, ...

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	1.580.081.603	658.960.659
+ Tiền mặt (VND)	1.560.023.223	638.902.279
+ Tiền mặt (USD)	20.058.380	20.058.380
Tiền gửi ngân hàng	19.465.566.875	7.301.472.574
+ Tiền gửi VND	17.946.156.359	7.296.985.924
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai	*13.928.019.215*	*5.377.809.046*
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	*1.621.429.882*	*128.835.925*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*1.047.274.939*	*53.949.574*
Các ngân hàng hàng khác	*1.349.432.323*	*1.736.391.379*
+ Tiền gửi USD	1.519.410.516	4.486.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai	*1.518.584.723*	*3.267.200*
Các ngân hàng hàng khác	*825.793*	*1.219.450*
Các khoản tương đương tiền	30.000.000	30.000.000
Cộng	**21.075.648.478**	**7.990.433.233**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Ngắn hạn	**14.220.168.669**	**14.220.168.669**	-	**15.112.192.473**	**15.112.192.473**	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	11.200.000.000	11.200.000.000	-	11.200.000.000	11.200.000.000	-
+ Cho vay ngắn hạn (ii)	3.020.168.669	3.020.168.669	-	3.912.192.473	3.912.192.473	-
- Dài hạn	**44.700.000.000**	**44.700.000.000**	-	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**	-
+ Cho vay dài hạn (iii)	44.700.000.000	44.700.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000	-
Cộng	**44.700.000.000**	**44.700.000.000**	-	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**	-

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai, lãi suất tiền gửi từ 4,2%/năm đến 4,5%/năm. Nhóm Công ty đã cầm cố toàn bộ các khoản tiền gửi ngân hàng này để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Xem thuyết minh số V.15).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(ii) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn cho vay	Số tiền cho vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày 30/06/2026 (VND)
Lê Văn Luận	08/06/HĐVV/2026/ GIẤY TL	8/06/2026	06 tháng	2.000.000.000	8,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	2.000.000.000
Võ Thị Nhã Phương	25/05/HĐVV/2026/ GIẤYTL	25/05/2026	12 tháng	1.000.000.000	8,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	21/04/HĐVV/2025/ GIẤYTL	21/04/2025	12 tháng	3.700.000.000	7,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	20.168.669
							3.020.168.669

(iii) Chi tiết khoản cho vay dài hạn như sau:

Bên vay	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn cho vay	Số tiền cho vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày 30/06/2026 (VND)
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	01/HĐVV/VĐ-VM	8/12/2025	24 tháng	21.000.000.000	7,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	19.700.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	02/HĐVV/VĐ-VM	15/12/2025	24 tháng	8.000.000.000	7,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	03/HĐVV/VĐ-VM	26/12/2025	24 tháng	6.000.000.000	7,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	04/HĐVV/VĐ-HV	3/03/2026	24 tháng	12.000.000.000	7,00%/năm	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	11.000.000.000
							44.700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	37,05%	104.264.911.859	37,05%	104.115.571.942
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	37,32%	27.434.330.881	37,32%	27.294.117.951
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	33,63%	99.280.273.682	33,63%	100.349.847.347
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	4.927.243.912	27,04%	5.588.807.923
Cộng		**235.906.760.334**		**237.348.345.163**

Công ty liên kết	01/01/2026	Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	30/06/2026
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	104.115.571.942	352.718.519	-	(203.378.602)	104.264.911.859
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	27.294.117.951	1.115.053.319	(933.359.500)	(41.480.889)	27.434.330.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	100.349.847.347	(1.069.573.665)	-	-	99.280.273.682
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	5.588.807.923	(472.280.485)	-	(189.283.526)	4.927.243.912
Cộng	**237.348.345.163**	**(74.082.312)**	**(933.359.500)**	**(434.143.017)**	**235.906.760.334**

*(*) **Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, liên doanh xem ở Thuyết minh I.5.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026			01/01/2026		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Đối tượng						
Công ty Cổ phần Tac Paritas	7,50%	80.000.000.000	-	7,50%	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	13,87%	121.850.660.000	-	11,98%	94.350.660.000	-
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	16,55%	19.000.000.000	-	16,55%	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	13,87%	416.000.000	416.000.000	13,87%	416.000.000	416.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	15,00%	337.500.000	337.500.000	15,00%	337.500.000	337.500.000
Cộng		**221.604.160.000**	**753.500.000**		**194.104.160.000**	**753.500.000**

*(*) **Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Tac Paritas, Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ và Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt lần lượt là 14,69%, 20,74% và 19%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An và Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt bằng với tỷ lệ sở hữu.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**172.920.595.336**	**243.686.655.837**
Các khách hàng là bên liên quan	***19.309.970.801***	***20.844.594.672***
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	19.259.970.801	19.759.970.801
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô	-	1.084.623.871
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	25.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	24.500.000	-
Các khách hàng là bên thứ ba	***153.610.624.535***	***222.842.061.165***
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	30.590.215.175	24.780.607.449
Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	29.549.209.755	29.879.975.630
Công ty Cổ Phần In Scitech	16.579.795.005	52.168.070
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang	9.904.549.688	14.614.759.682
Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á	9.896.136.330	30.292.611.460
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
Công ty Cổ phần In Số 7	5.514.894.360	23.136.423.827
Các khách hàng khác	41.876.679.219	90.386.370.044
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**172.920.595.336**	**243.686.655.837**
Dự phòng phải thu khách hàng	37.843.214.995	38.975.898.941
Giá trị thuần	**135.077.380.341**	**204.710.756.896**

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**73.151.748.301**	**56.990.628.178**
Các nhà cung cấp là bên liên quan	***6.507.395.948***	***6.507.395.948***
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.507.395.948	6.507.395.948
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***66.644.352.353***	***50.483.232.230***
Công ty Cổ phần Tac Paritas	64.792.365.064	45.521.404.883
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
Các nhà cung cấp khác	789.387.289	3.899.227.347
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**73.151.748.301**	**56.990.628.178**
Dự phòng trả trước người bán	7.706.565.917	7.706.565.917
Giá trị thuần	**65.445.182.384**	**49.284.062.261**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**7.337.413.953**	**32.581.773.656**
Tạm ứng	**44.811.701**	**37.177.101**
Ký cược, ký quỹ	**736.936.600**	**571.325.000**
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	**2.560.000**
Phải thu khác	**6.555.665.652**	**31.970.711.555**
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	***5.917.184.521***	***31.153.050.000***
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Chuyển nhượng khoản đầu tư)	-	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Lãi cho vay)	205.397.260	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (cổ tức)	1.692.500.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lãi cho vay)	1.019.287.261	953.050.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lợi nhuận hợp tác kinh doanh)	3.000.000.000	4.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba	***638.481.131***	***817.661.555***
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	5.547.946	186.734.795
Lãi cho vay phải thu	481.750.685	630.926.760
Các đối tượng khác	151.182.500	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**7.337.413.953**	**32.581.773.656**
Dự phòng phải thu khác	-	-
Giá trị thuần	**7.337.413.953**	**32.581.773.656**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	**67.307.046.493**	**29.463.831.498**	**37.843.214.995**	**70.281.744.369**	**31.305.845.428**	**38.975.898.941**
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	19.259.970.801	-	19.259.970.801	19.759.970.801	500.000.000	19.259.970.801
Công ty TNHH MTV In báo Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	29.549.209.755	28.160.453.354	1.388.756.401	29.879.975.630	28.491.219.229	1.388.756.401
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	-	9.699.145.003	9.699.145.003	-	9.699.145.003
Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	1.736.262.211	1.035.767.509	700.494.702	1.986.262.211	1.285.767.509	700.494.702
Công ty TNHH MTV In Đắk Lắk	1.000.000.000	57.468.028	942.531.972	1.637.728.583	695.196.611	942.531.972
Các khách hàng khác	6.062.458.723	210.142.607	5.852.316.116	7.318.662.141	333.662.079	6.985.000.062
Trả trước cho người bán	**7.706.565.917**	-	**7.706.565.917**	**7.706.565.917**	-	**7.706.565.917**
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.507.395.948	-	6.507.395.948	6.507.395.948	-	6.507.395.948
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	-	1.062.600.000	1.062.600.000	-	1.062.600.000
Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp	136.569.969	-	136.569.969	136.569.969	-	136.569.969
Cộng	**75.013.612.410**	**29.463.831.498**	**45.549.780.912**	**77.988.310.286**	**31.305.845.428**	**46.682.464.858**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	3.560.158.474	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	443.904.509	-	-	-
Thành phẩm	3.230.476.134	-	2.716.192.035	-
Hàng hóa	267.783.525.244	-	254.099.714.123	-
Cộng	**275.018.064.361**	**-**	**256.815.906.158**	**-**

Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.15).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**414.352.067**	**71.655.222**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.166.666	6.984.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.185.401	64.670.599
b) Dài hạn	**612.795.191**	**942.261.796**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	436.930.607	813.493.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.864.584	128.768.733
Cộng	**1.027.147.258**	**1.013.917.018**

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai để ngân hàng phát hành thư tín dụng (L/C).

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền gửi phong tỏa - VND	24.463.346.608	11.000.262.839
Tiền gửi phong tỏa - USD	588.402.176	588.402.176
Cộng	**25.051.748.784**	**11.588.665.015**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ (01/01/2026)	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2026)
Công trình cải tạo trường học	5.128.000.000	262.170.000	-	5.390.170.000
Cải tạo cổng chính	100.000.000	820.782.500	-	920.782.500
Công trình cải tạo phòng AI - Robotisc	-	165.706.620	(165.706.620)	-
Công trình cải tạo bề mặt sân thể thao đa năng, sân pickleball, sân bóng rổ	680.030.000	88.657.500	(768.687.500)	-
Công trình nội trú	1.518.037.795	303.398.029	(1.821.435.824)	-
Công trình cải tạo P. Zen	12.500.000	949.206.089	(961.706.089)	-
Công trình tham vấn học đường	132.523.861	1.971.717.172	(2.104.241.033)	-
Công Trình Phòng cháy chữa cháy kho Hóc Môn	-	3.609.993.790	(3.609.993.790)	-
Công trình cổng kho Hóc Môn	-	262.093.723	-	262.093.723
Cộng	**7.571.091.656**	**8.433.725.423**	**(9.431.770.856)**	**6.573.046.223**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	101.255.487.187	13.458.246.138	11.174.180.144	2.375.033.307	128.262.946.776
Mua trong kỳ	9.431.770.856	-	-	-	9.431.770.856
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**110.687.258.043**	**13.458.246.138**	**11.174.180.144**	**2.375.033.307**	**137.694.717.632**
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	65.668.526.613	10.770.639.823	8.100.036.814	2.358.311.075	86.897.514.325
Trích khấu hao trong kỳ	3.867.798.491	247.727.880	315.195.352	7.166.664	4.437.888.387
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**69.536.325.104**	**11.018.367.703**	**8.415.232.166**	**2.365.477.739**	**91.335.402.712**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2026)	35.586.960.574	2.687.606.315	3.074.143.330	16.722.232	41.365.432.451
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	**41.150.932.939**	**2.439.878.435**	**2.758.947.978**	**9.555.568**	**46.359.314.920**

**** Ghi chú:***

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 36.525.271.479 VND.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Tăng/giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình			
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	7.726.577.193	606.884.723	8.333.461.916
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**7.726.577.193**	**606.884.723**	**8.333.461.916**
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	3.285.144.917	470.100.554	3.755.245.471
Trích khấu hao trong kỳ	99.058.680	15.484.998	114.543.678
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**3.384.203.597**	**485.585.552**	**3.869.789.149**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2026)	4.441.432.276	136.784.169	4.578.216.445
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	**4.342.373.596**	**121.299.171**	**4.463.672.767**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 452.034.723 VND.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình cuối kỳ dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

(*) **Chi tiết:**

	Diện tích (m2)	Số tiền (VND)
Quyền sử dụng đất có thời hạn		
Thửa đất số 338 tại Lô A2-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Thông tin đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025)	8.940,30	7.726.577.193

13. Tăng/giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Thông tin đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025) với diện tích 1.062,4 m2 có nguyên giá là 18.751.415.355 VND, mục đích nắm giữ bất động sản này là để chờ tăng giá, không trích khấu hao.

14. Lợi thế thương mại

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Số dư đầu năm (01/01)		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(8.010.672.058)	(7.120.597.385)
Giá trị còn lại	**890.074.674**	**1.780.149.347**
Phát sinh trong kỳ		
Phân bổ trong kỳ	(445.037.336)	(445.037.336)
Số dư cuối kỳ (30/06)		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(8.455.709.394)	(7.565.634.721)
Giá trị còn lại	**445.037.338**	**1.335.112.011**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	01/01/2026		Trong kỳ		30/06/2026	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ
a) Vay ngắn hạn	**408.920.056.307**	**408.920.056.307**	**445.416.971.839**	**(473.512.495.432)**	**380.824.532.714**	**380.824.532.714**
Vay ngắn hạn	***408.920.056.307***	***408.920.056.307***	***442.316.971.839***	***(473.512.495.432)***	***377.724.532.714***	***377.724.532.714***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ba Tháng Hai (i)	343.401.922.966	343.401.922.966	399.932.349.807	(407.994.362.091)	335.339.910.682	335.339.910.682
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Quận 5 (ii)	65.505.173.341	65.505.173.341	42.384.622.032	(65.505.173.341)	42.384.622.032	42.384.622.032
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Đông Sài Gòn	12.960.000	12.960.000	-	(12.960.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	***3.100.000.000***	-	***3.100.000.000***	***3.100.000.000***
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (iii)	-	-	3.100.000.000	-	3.100.000.000	3.100.000.000
b) Vay dài hạn	**4.100.000.000**	**4.100.000.000**	-	**(4.100.000.000)**	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (iii)	4.100.000.000	4.100.000.000	-	(4.100.000.000)	-	-
Cộng	**413.020.056.307**	**413.020.056.307**	**445.416.971.839**	**(477.612.495.432)**	**380.824.532.714**	**380.824.532.714**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai ("BIDV") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/2317695/HĐTD ngày 15/08/2025. Hạn mức vay là 700 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán tối đa là 500 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng tối đa không quá ngày 31/08/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo: Cấp tín dụng tài trợ nhập khẩu hàng hóa bảo đảm bằng lô hàng nhập khẩu. Trường hợp không đảm bảo bằng lô hàng nhập khẩu, đơn vị duy trì danh mục tài sản đảm bảo là các Bất động sản đang thế chấp tại chi nhánh.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 ("Sacombank") theo Hợp đồng số 201907480016/2014 ngày 16/07/2024 và hợp đồng gia hạn số 01/201907480016 ngày 04/08/2025. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh là 110 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC trả ngay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay không quá 06 tháng được quy định theo từng văn kiện tín dụng cụ thể. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của thành viên Công ty; thế chấp hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa với sự tài trợ của Sacombank.

(iii) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01.2023/HĐVV ngày 21/08/2023 với số tiền vay 500 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán nội địa. Thời hạn vay 24 tháng với lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn theo Phụ lục số 01.01/2023/HĐVV ngày 18/08/2025.
- Hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐVV ngày 25/10/2024 với số tiền vay là 2,5 tỷ đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 30/06/2026, số dư vay theo hợp đồng là 1,5 tỷ đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVV ngày 11/03/2025 với số tiền vay 600 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay vốn số 02.2025/HĐVV ngày 24/06/2025 với số tiền vay 500 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	**94.123.885.852**	**94.123.885.852**	**51.964.500.168**	**51.964.500.168**
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***94.123.885.852***	***94.123.885.852***	***51.964.500.168***	***51.964.500.168***
Moorim P&P Co., Ltd Korea	42.201.131.319	42.201.131.319	29.660.854.468	29.660.854.468
Hokuetsu Corporation	25.692.083.222	25.692.083.222	-	-
Gold East Trading (Hong Kong) Co ., Ltd China	15.081.487.510	15.081.487.510	10.718.722.840	10.718.722.840
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	5.311.450.167	5.311.450.167	4.097.666.560	4.097.666.560
Các nhà cung cấp khác	5.837.733.634	5.837.733.634	7.487.256.300	7.487.256.300
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**94.123.885.852**	**94.123.885.852**	**51.964.500.168**	**51.964.500.168**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

17. Người mua trả tiền trước

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**22.495.799.623**	**14.295.682.716**
Các khách hàng là bên thứ ba	***22.495.799.623***	***14.295.682.716***
Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	15.678.501.790	10.589.007.675
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam	3.804.580.511	-
Các khách hàng khác	3.012.717.322	3.706.675.041
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**22.495.799.623**	**14.295.682.716**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp, điều chỉnh trong kỳ	30/06/2026
a) Phải nộp	**4.655.332.179**	**24.918.453.862**	**(29.473.570.226)**	**100.215.815**
Thuế GTGT hàng nội địa	2.516.019.647	1.319.015.536	(3.835.035.183)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	20.138.818.143	(20.138.818.143)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.082.454.916	-	(2.082.454.916)	-
Thuế thu nhập cá nhân	56.857.616	315.084.109	(271.725.910)	100.215.815
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.125.036.010	(3.125.036.010)	-
Các loại thuế khác	-	20.500.064	(20.500.064)	-
b) Phải thu	**234.993.894**	**1.283.720.402**	**(1.111.230.917)**	**62.504.409**
Thuế nhập khẩu	172.489.485	1.283.720.402	(1.111.230.917)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.504.409	-	-	62.504.409

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**41.800.000**	**331.064.864**
Chi phí lãi vay phải trả	-	331.064.864
Chi phí phải trả khác	41.800.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**41.800.000**	**331.064.864**

20. Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**794.407.283**	**686.858.002**
Kinh phí công đoàn	614.594.887	621.174.374
Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	1.164.029	1.164.029
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (phải trả lãi vay)	114.128.767	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	64.519.600	64.519.599
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**794.407.283**	**686.858.002**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tại ngày 01/01	2.113.432.742	2.466.112.742
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(19.000.000)	(207.000.000)
Tại ngày 30/06	**2.094.432.742**	**2.259.112.742**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
Số dư đầu năm trước (01/01/2025)	**408.360.690.000**	**5.032.671.673**	**3.367.759.813**	**10.774.125.649**	**69.813.881.523**	**170.603.258.469**	**667.952.387.127**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	467.254.520	936.907.509	1.404.162.029
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(13.538.974.800)	(33.957.009.300)
Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	(364.235.585)	-	(364.235.585)
Số dư cuối năm trước (31/12/2025)	**408.360.690.000**	**5.032.671.673**	**3.367.759.813**	**10.774.125.649**	**49.498.865.958**	**158.001.191.178**	**635.035.304.271**
Số dư đầu năm nay (01/01/2026)	**408.360.690.000**	**5.032.671.673**	**3.367.759.813**	**10.774.125.649**	**49.498.865.958**	**158.001.191.178**	**635.035.304.271**
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(7.867.323.573)	530.185.601	(7.337.137.972)
Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	(411.852.948)	(22.290.069)	(434.143.017)
Số dư cuối kỳ này (30/06/2026)	**408.360.690.000**	**5.032.671.673**	**3.367.759.813**	**10.774.125.649**	**41.219.689.437**	**158.509.086.710**	**627.264.023.282**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	%	01/01/2026 VND	%
Bùi Quang Mẫn	67.369.240.000	16,50	67.369.240.000	16,50
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	32.300.530.000	7,91	32.300.530.000	7,91
Nguyễn Thị Thu	29.147.730.000	7,14	29.147.730.000	7,14
Vốn góp của các cổ đông khác	279.543.190.000	68,45	279.543.190.000	68,45
Cộng	**408.360.690.000**	**100,00**	**408.360.690.000**	**100,00**

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	408.360.690.000	408.360.690.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	408.360.690.000	408.360.690.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**40.836.069**	**40.836.069**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**40.836.069**	**40.836.069**
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	**-**	**-**
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**40.836.069**	**40.836.069**
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	30/06/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	58.284,62	1.015,58
- Euro (EUR)	20,00	20,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng doanh thu	**512.167.780.353**	**495.660.840.795**
Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa	433.001.480.159	413.927.978.828
Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm	75.392.164.577	77.509.745.521
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	3.774.135.617	4.223.116.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**512.167.780.353**	**495.660.840.795**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn bán hàng hóa	407.079.127.009	387.285.898.620
Giá vốn bán thành phẩm	73.489.374.734	75.258.258.945
Gía vốn cung cấp dịch vụ	1.219.132.237	1.072.666.076
Cộng	**481.787.633.980**	**463.616.823.641**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi tiền, lãi cho vay	1.683.679.328	901.730.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.598.566.000	5.997.132.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.932.050	379.237.072
Cộng	**5.390.177.378**	**7.278.099.177**

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	12.925.414.910	9.844.049.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.037.272.499	4.824.637.417
Cộng	**14.962.687.409**	**14.668.686.517**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	352.718.519	4.820.243.883
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	1.115.053.319	716.651.870
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	(1.069.573.665)	4.848.652.549
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	(472.280.485)	(304.054.562)
Cộng	**(74.082.312)**	**10.081.493.740**

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
a) Chi phí bán hàng	**8.435.118.389**	**10.097.985.748**
Chi phí nhân viên	725.827.886	944.805.000
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	7.709.290.503	9.153.180.748
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	**21.740.268.858**	**21.207.616.781**
Chi phí nhân viên quản lý	8.901.716.488	9.448.321.145
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	218.408.243	366.674.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.778.337.165	3.756.466.415
Thuế, phí và lệ phí	3.126.375.925	1.789.791.042
Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	(1.132.683.946)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.409.601.794	5.061.873.677
Chi phí khác	438.513.189	784.490.467

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi từ thanh lý tài sản	-	1.061.458.415
Thu tiền thưởng từ đối tác	2.052.664.483	739.259.449
Thu tiền bồi thường	63.363.833	84.308.181
Thu nhập khác	37.942.608	44.277.824
Cộng	**2.153.970.924**	**1.929.303.869**

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	49.200.309	8.304.546
Chi phí khác	75.370	21.918.268
Cộng	**49.275.679**	**30.222.814**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

10. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.867.323.573)	3.921.159.203
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.867.323.573)	3.921.159.203
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.836.069	40.836.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(193)**	**96**

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.248.490.925	74.177.939.192
Chi phí nhân công	11.568.934.525	12.534.039.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.997.469.402	4.829.132.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	17.715.967.411	16.811.598.934
Cộng	**106.530.862.263**	**108.352.709.655**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		**330.000.000**	**330.000.000**
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Chủ tịch	180.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch - miễn nhiệm 23/04/2026	20.000.000	180.000.000
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Bình Quí	Thành viên	10.000.000	-
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		**66.000.000**	**66.000.000**
Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Tình	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác		**563.008.872**	**535.562.321**
Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc	305.740.262	302.951.921
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	192.329.763	172.610.400
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	64.938.847	60.000.000
Cộng		**959.008.872**	**931.562.321**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán, Nhóm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	23.181.818	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	27.708.114	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	50.485.268.131	53.177.308.094
		Cổ tức được chia	933.359.500	933.359.500
		Thu tiền cổ tức được chia	933.359.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cho vay	12.000.000.000	10.700.000.000
		Thu nợ cho vay	1.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	262.183.561	7.805.479
		Thu lãi cho vay	56.786.301	-
		Cổ tức được chia	-	7.064.200.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	22.272.727	-
		Thu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	26.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.300.000.000	3.790.287.219
		Bán hàng hóa và dịch vụ	308.681.072	-
		Bán tài sản, công cụ dụng cụ	-	727.272.727
		Mua hàng hóa	433.668.608	418.021.695
		Trả tiền vay	-	8.200.000.000
		Lãi vay phải trả và đã trả	-	7.556.164
		Cho vay	1.300.000.000	47.460.000.000
		Thu nợ cho vay	2.600.000.000	6.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	1.214.432.877	431.127.123
		Thu lãi cho vay	1.035.236.712	-
		Cổ tức được chia	2.598.566.000	3.597.132.000
		Thu tiền cổ tức được chia	906.066.000	3.512.132.000
		Góp vốn cổ phần		5.995.220.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ từ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	27.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Thu tiền bán hàng	500.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			30/06/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3)	19.259.970.801	19.759.970.801
		Trả trước tiền mua hàng (Thuyết minh V.4)	6.507.395.948	6.507.395.948
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3)	25.500.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3)	-	1.084.623.871
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	24.500.000	-
		Phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư (thuyết minh V.5)	-	26.000.000.000
		Phải thu cho vay (Thuyết minh V.2)	11.000.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minhV.5)	205.397.260	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (Thuyết minh V.5)	3.000.000.000	4.200.000.000
		Phải thu cho vay (Thuyết minh V.2)	33.700.000.000	35.000.000.000
		Phải thu tiền lãi cho vay và cổ tức được chia (Thuyết minh V.5)	1.019.287.261	953.050.000
		Phải thu tiền lãi cổ tức được chia (Thuyết minh V.5)	1.692.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy;

- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

Thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận kế toán trước thuế của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ sau:

2.1 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Cung cấp dịch vụ	Phần quản lý chung	Cộng
Doanh thu thuần	508.393.644.736	3.774.135.617	-	512.167.780.353
Doanh thu tài chính và phần lãi trong công ty liên kết	-	-	5.316.095.066	5.316.095.066
Thu nhập khác	-	-	2.153.970.924	2.153.970.924
Tổng doanh thu, thu nhập	**508.393.644.736**	**3.774.135.617**	**7.470.065.990**	**519.637.846.343**
Giá vốn hàng bán	480.568.501.743	1.219.132.237	-	481.787.633.980
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	16.906.402.296	-	13.268.984.951	30.175.387.247
Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	14.962.687.409	14.962.687.409
Chi phí khác	-	-	49.275.679	49.275.679
Tổng chi phí	**497.474.904.039**	**1.219.132.237**	**28.280.948.039**	**526.974.984.315**
Lợi nhuận trước thuế	**10.918.740.697**	**2.555.003.380**	**(20.810.882.049)**	**(7.337.137.972)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Cung cấp dịch vụ	Phần quản lý chung	Cộng
Doanh thu thuần	491.437.724.349	4.223.116.446	-	495.660.840.795
Doanh thu tài chính và phần lãi trong công ty liên kết	-	-	17.359.592.917	17.359.592.917
Thu nhập khác	-	-	1.929.303.869	1.929.303.869
Tổng doanh thu, thu nhập	**491.437.724.349**	**4.223.116.446**	**19.288.896.786**	**514.949.737.581**
Giá vốn hàng bán	462.544.157.565	1.072.666.076	-	463.616.823.641
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	18.049.576.342	-	13.256.026.187	31.305.602.529
Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	14.668.686.517	14.668.686.517
Chi phí khác	-	-	30.222.814	30.222.814
Tổng chi phí	**480.593.733.907**	**1.072.666.076**	**27.954.935.518**	**509.621.335.501**
Lợi nhuận trước thuế	**10.843.990.442**	**3.150.450.370**	**(8.666.038.732)**	**5.328.402.080**

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.045.648.478	-	7.960.433.233	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	58.920.168.669	-	50.112.192.473	-
Phải thu khách hàng	172.920.595.336	37.843.214.995	243.686.655.837	38.975.898.941
Các khoản phải thu khác	7.337.413.953	-	32.581.773.656	-
Tài sản khác	25.051.748.784	-	11.588.665.015	-
Đầu tư tài chính	221.604.160.000	753.500.000	194.104.160.000	753.500.000
Cộng	**506.879.735.220**	**38.596.714.995**	**540.033.880.214**	**39.729.398.941**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	30/06/2026	**01/01/2026**
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	94.123.885.852	51.964.500.168
Chi phí phải trả	41.800.000	331.064.864
Phải trả khác	794.407.283	686.858.002
Vay và nợ thuê tài chính	380.824.532.714	413.020.056.307
Cộng	**475.784.625.849**	**466.002.479.341**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Nhóm Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Nhóm Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Nhóm Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2026, tài sản đảm bảo của Nhóm Công ty cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai (xem thuyết minh số V.2).
- Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.7).

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Nhóm Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính và cho vay

Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản đầu tư và cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay và nợ ở mức mà Nhóm Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2026)	**475.784.625.849**	-	**475.784.625.849**
Phải trả cho người bán	94.123.885.852	-	94.123.885.852
Phải trả khác	41.800.000	-	41.800.000
Chi phí phải trả	794.407.283	-	794.407.283
Vay và nợ thuê tài chính	380.824.532.714	-	380.824.532.714
Số đầu kỳ (01/01/2026)	**461.902.479.341**	**4.100.000.000**	**466.002.479.341**
Phải trả cho người bán	51.964.500.168	-	51.964.500.168
Phải trả khác	331.064.864	-	331.064.864
Chi phí phải trả	686.858.002	-	686.858.002
Vay và nợ thuê tài chính	408.920.056.307	4.100.000.000	413.020.056.307

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Nhóm Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, dịch vụ và vay vốn có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán.

Công ty đã điều chỉnh lại số liệu một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") do Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 thay cho Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên BCTC 2025 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTC (trình bày lại)	Số liệu thay đổi tăng/ giảm
a/ Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11.200.000.000	15.112.192.473	3.912.192.473
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	3.912.192.473	-	(3.912.192.473)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	265	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	35.000.000.000	-	(35.000.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	44.170.438.671	32.581.773.656	(11.588.665.015)
Tài sản ngắn hạn khác	158	-	11.588.665.015	11.588.665.015

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026